

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY SÔNG HỒNG**

Địa chỉ: 105 Nguyễn Đức Thuận, Nam Định

Điện thoại: Fax:



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2010**

Tháng 4, năm 2011



MỤC LỤC

I.	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
II.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY	4
III.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY	5
IV.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY	7
V.	BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN	10
VI.	CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN.....	11
VII.	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	11
VIII.	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY	14

060033
 CÔNG
 CỔ PHẦN
 MÃ
 SÔNG HỒNG
 ĐỊNH HƯỚNG

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Những sự kiện quan trọng

- Việc thành lập**

Ngày 1/7/1988, Công ty được thành lập với tên gọi Xí nghiệp May 1/7, là doanh nghiệp quốc doanh thuộc sở hữu của Nhà nước với quy mô 100 người.

- Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần**

Năm 1993

Công ty được đổi tên thành Công ty May Sông Hồng.

Năm 1997

Xí nghiệp Bông tái sinh được sáp nhập vào Công ty May Sông Hồng, trở thành khu vực Sông Hồng II, toàn công ty có 3 xưởng may với 1000 người.

Năm 2001

Thương hiệu Chăn Ga Gối Đệm mang tên Sông Hồng ra đời.

Năm 2002

Trụ sở chính chuyển về 105 Nguyễn Đức Thuận, TP. Nam Định, quy mô 3 xưởng may với 1500 người.

Năm 2004

Công ty được cổ phần hóa, trở thành Công ty Cổ phần May Sông Hồng.

- Các sự kiện khác**

Năm	Sự kiện
Năm 2006	Phát triển thêm khu vực Sông Hồng III tại Quốc lộ 10, TP. Nam Định, toàn công ty lên tới 3600 người với 6 xưởng may, xưởng giặt, 1 xưởng chăn ga gối, 1 xưởng bông và chăn bông.
Năm 2007	Thành lập Công ty TNHH May mặc Sông Hồng, có chi nhánh đại diện tại Hồng Kông.
Năm 2008	Phát triển thêm khu vực Sông Hồng IV tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định với quy mô 4 xưởng, 6000 người.
Năm 2009	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỉ lệ 1:1 nâng tổng vốn điều lệ lên 36 tỷ đồng

1.2. Quá trình phát triển

- Ngành nghề kinh doanh**

Công ty Cổ phần May Sông Hồng hiện sản xuất và kinh doanh các sản phẩm may mặc như quần, áo jacket, hàng dệt kim để xuất khẩu và các sản phẩm chăn ga gối đệm phục vụ thị trường trong nước.

- **Tình hình hoạt động**

Trước khi cổ phần hóa, Công ty có quy mô 3 xưởng may với 1500 người.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông đã có những bước phát triển vượt bậc cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Cụ thể:

- ✓ Năm 2006 Công ty phát triển thêm khu vực Sông Hồng III tại Quốc lộ 10, TP. Nam Định, toàn công ty lên tới 3600 người với 6 xưởng may, xưởng giặt, 1 xưởng chăn ga gối, 1 xưởng bông và chăn bông. phát triển thêm khu vực Sông Hồng IV tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định với quy mô 4 xưởng, 6000 người.
- ✓ Năm 2008 Công ty phát triển thêm khu vực Sông Hồng IV tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định với quy mô 4 xưởng, 6000 người.

Hiện tại Công ty đang Triển khai dự án xây dựng khu vực Sông Hồng V tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định với quy mô 4 xưởng may. Dự kiến đến năm 2011 hoàn thành công ty có 8000 người với 14 xưởng may, 2 xưởng giặt, 1 xưởng may chăn ga gối, 1 xưởng bông và chăn bông.

1.3. Định hướng phát triển

Sứ mệnh

- Phát triển trình độ quản trị doanh nghiệp đạt các tiêu chuẩn quốc tế.
- Khuyến khích động lực phát triển và văn hóa doanh nghiệp.
- Phát triển mở rộng các giá trị mới của sản phẩm nhằm mang lại nhiều lợi ích và lựa chọn cho khách hàng.
- Luôn quan tâm đến môi trường, điều kiện làm việc và nâng cao mức thu nhập của các bộ công nhân viên.
- Cam kết không ngừng đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng và sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Tầm nhìn

- Trở thành Thương hiệu Chăn Ga Gối Đệm số một Việt Nam vào năm 2011.
- Trở thành Nhà sản xuất, xuất khẩu may mặc hàng đầu Việt Nam vào năm 2015.
- Trở thành tập đoàn hung mạnh hàng đầu Việt Nam vào năm 2020.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

2.1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm và tình hình thực hiện so với kế hoạch

Doanh thu thuần năm 2010 là 1.171.724.535.114 đồng tăng 38,54% so với năm 2009, lợi nhuận sau thuế đạt 70.89 tỷ đồng đạt 116,67% so với kế hoạch, tăng 44,3% so với năm 2007.

Lợi nhuận tăng chủ yếu là do Công ty đã đẩy mạnh sản xuất, thực hiện tốt công tác tiết kiệm nguyên phụ liệu và chi phí trong quá trình sản xuất. Mặc khác, Công ty cũng có sự chuyển đổi cơ cấu hoạt động, giảm số lượng các mặt hàng đưa ngoài gia công và gia công lại, đồng thời tăng nhanh các mặt hàng phục vụ cho xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

2.2. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Đại hội cổ đông thường niên 2010 đã thông qua nghị quyết về phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 36 tỷ lên 54 tỷ bằng hình thức trả cổ tức.

Khai trương hệ thống các Showroom tại các tỉnh thành trên toàn quốc.

2.3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Bên cạnh việc duy trì những khách hàng truyền thống, công ty tiếp tục cải tiến cơ chế quản lý, chủ động mở rộng khai thác xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường EU, Trung Đông và Châu Á.

Tập trung phát triển thương hiệu Chăn ga gối đệm Sông Hồng.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

3.1. Báo cáo tình hình tài chính

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Tên chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	1.48	1.49
- Hệ số thanh toán nhanh (= (TSLD - Hàng tồn kho)/Nợ NH)	1.20	0.93
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ/tổng tài sản	0.76	0.72
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	3.24	2.55
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho (=Giá VHB/hàng tồn kho bq)	12.78	8.08
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2.21	2.38
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	5.81%	6.05%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	56.58%	56.78%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	12.84%	14.40%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	5.79%	6.69%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2010)

↓ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán chung của Công ty qua các năm luôn ổn định trong khoảng 1,4 lần cho thấy Công ty khá chủ động trong việc thực hiện các nghĩa vụ trả nợ.

↓ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Bảng phân tích các chỉ tiêu cơ cấu cơ cấu vốn - tài sản của Công ty qua các năm thể hiện rõ đặc thù của một doanh nghiệp sản xuất. Nguồn vốn từ nợ trong đó nợ dài hạn là chủ yếu.

↓ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Tỷ số về năng lực hoạt động của Công ty tương đối ổn định qua các năm.

↓ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Ta thấy khả năng sinh lời của Công ty có xu hướng tăng nhẹ. Các tỷ số thể hiện khả năng sinh lời của Công ty trong hai năm đều ở mức tương đối cao, điển hình là tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu luôn đạt trên 50%.

- **Những thay đổi về vốn góp cổ đông:**

Trong năm 2010, không có sự biến động về tỷ lệ sở hữu của Cổ đông lớn (năm giữ trên 5% Vốn điều lệ)

- **Tổng số cổ phiếu đăng ký phát hành năm 2010 theo từng loại:**

Trong năm 2010, Công ty Cổ phần May Sông Hồng không thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

- **Tổng số cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:**

- + Cổ phiếu phổ thông: 3.600.000 cổ phiếu
- + Cổ phiếu ưu đãi: không có

- **Cổ tức:**

Tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010, ngày 24/08/2010, Công ty đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 với mức chi trả cổ tức dự kiến là 50%.

3.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Với chiến lược kinh doanh linh hoạt, năm 2010 là năm mảng sản xuất Chăn ga gối đệm được đẩy mạnh và mang lại hiệu quả cao. Cùng với đó mảng sản xuất hàng xuất khẩu cũng đạt được mức tăng trưởng, nhìn chung cả năm lợi nhuận đạt trên 70 tỷ, tăng 16,7% so với kế hoạch đề ra tại Đại hội cổ đông năm 2010.

3.3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Tiến hành nhiều biện pháp tiết kiệm chi phí đã giúp công ty đứng vững trong điều kiện tình hình thị trường có nhiều biến động và đầy khó khăn.
- Năm 2010 lạm phát tăng cao dẫn đến lãi suất vay vốn ngân hàng tăng cao gây khó khăn thêm cho doanh nghiệp. Trong tình hình đó công ty đã sử dụng hợp lý, lưu chuyển nguồn vốn có hiệu quả giúp cho Công ty ổn định sản xuất, duy trì tốc độ tăng trưởng và đạt kết quả gia tăng lợi nhuận.
- Nâng cao hình ảnh thương hiệu Chăn ga gối đệm Sông Hồng đối với người tiêu dùng trên cả nước.

3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Sau khi khu vực Sông Hồng V tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định với quy mô 4 xưởng may đi vào hoạt động nâng năng lực sản xuất mảng hàng xuất khẩu lên 25% so với hiện tại, Công ty tập trung vào ổn định sản xuất, tìm kiếm khách hàng và thị trường mới nhằm đưa khu vực mới đi vào vận hành ổn định.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY

4.1. Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	Dạng vị tính: VND
			SỐ DÀI NĂM	
A. TÀI SẢN NGÀN HẠN	100		454.268.338.874	232.820.431.840
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		47.765.584.251	91.914.593.716
1. Tiền	111	V.1	47.765.584.251	91.914.593.716
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		230.455.210.504	93.470.984.415
1. Phải thu khách hàng	131		219.409.323.352	90.683.752.660
2. Trả trước cho người bán	132		11.392.369.170	2.830.328.738
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.2	5.589.026.713	5.549.458.808
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(5.935.518.731)	(5.592.555.791)
IV. Hàng tồn kho	140		170.612.743.537	43.394.247.045
1. Hàng tồn kho	141	V.3	183.755.622.494	54.809.903.098
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(13.142.878.957)	(11.415.656.053)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.434.810.582	4.040.606.664
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.511.813.244	1.162.512.005
2. Các khoản thuế phải thu	152		2.150.009.553	1.960.463.477
3. Thuế và các khoản thuế phải thu Nhà nước	154		11.837.977	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		761.149.808	917.632.522
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		147.773.395.902	149.840.221.096
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		147.773.395.902	149.840.221.096
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	141.504.291.441	149.189.613.351
- Nguyên giá	222		368.917.286.600	341.079.145.454
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(227.412.995.159)	(191.889.542.104)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	1.480.679.542	216.721.102
- Nguyên giá	228		2.576.869.460	366.587.560
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.096.189.918)	(149.866.458)
4. Chi phí xây dựng cố định đã dang	230	V.6	4.788.424.919	433.896.644
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		602.041.734.776	382.660.652.936

(Tiếp theo)				Danh mục: VNE
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		439,161,535,069	295,838,318,788
I. Nợ ngắn hạn	310		311,754,262,881	160,991,228,280
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7	97,576,875,201	57,213,936,291
2. Phải trả người bán	312		55,767,378,163	30,172,33,187
3. Người mua trả tiền trước	313		654,400,882	729,310,791
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.8	6,568,339,747	4,356,5,3,011
5. Phải trả công nhân viên	315		69,618,344,662	38,788,333,898
6. Chi phí phải trả	316	V.9	23,603,448,437	18,146,149,768
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10	51,124,841,817	8,070,154,906
11. Quỹ khen thưởng, phu lợι	323		8,840,633,972	3,514,806,447
II. Nợ dài hạn	330		127,407,272,188	134,847,090,508
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.11	122,144,412,075	132,199,433,698
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		5,262,860,113	2,647,656,811
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		162,880,199,707	86,822,334,148
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	162,880,199,707	86,822,334,148
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36,339,039,000	36,339,039,000
2. Trong đó vốn cổ phần	412		2,100,000,000	2,100,000,000
6. Cổ phiếu ký giá hồi đoai	416		9,509,676,733	(5,625,974)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		43,365,220,721	24,661,130,793
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6,765,384,029	2,770,300,728
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1,382,404,321	1,383,124,321
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		63,757,513,903	19,968,414,275
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		602,041,734,776	382,660,652,936

4.2. Kết quả hoạt động kinh doanh

CHỦ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính: VND	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.13	1.171.724.535.114	845.881.199.583
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VL.14	209.923.504	146.573.382
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.15	1.171.514.611.613	845.734.623.181
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.16	964.345.759.824	700.450.205.413
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		207.168.851.789	145.284.417.768
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.17	9378.376.325	8.950.541.731
7. Chi phí tài chính	22	VL.18	22.608.918.429	22.028.244.117
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.586.369.499	12.282.479.913
8. Chi phí bán hàng	24		51.835.704.993	28.564.166.122
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		63.752.125.814	54.697.588.277
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		78.350.478.878	49.005.060.983
11. Thu nhập khác	31	VL.19	634.576.910	1.689.323.944
12. Chi phí khác	32	VL.20	145.412.903	755.843.668
13. Lợi nhuận khác	40		488.164.007	933.480.276
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		78.838.642.885	49.938.541.259
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL.21	7.944.961.124	810.285.519
16. Chi phí thuế TNDN hoàn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		70.893.681.761	49.128.255.740

4.3. Lưu chuyển tiền tệ

CHI TIẾU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	Đơn vị tính: VND NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01		1.319.450.184.354	686.714.088.606
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(780.222.562.208)	(261.058.106.714)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(176.159.181.168)	(158.529.610.342)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(11.579.674.229)	(9.945.934.529)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(5.690.893.491)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		209.541.109.896	325.550.907.598
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(391.891.467.278)	(327.554.129.977)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46.552.484.124	255.177.214.642
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XDTSCĐ	21		(29.244.953.449)	(8.959.727.055)
2. Tiền thu tài sản vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		937.295.459	6.976.900.518
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(28.307.657.990)	(1.982.826.537)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		474.367.738.885	114.354.912.856
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(444.059.819.597)	(295.345.617.726)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.666.181.607)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		30.307.917.288	(184.656.886.477)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		44.552.224.826	68.537.501.628
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		91.914.593.716	21.298.995.404
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		403.215.361	2.078.096.684
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		47.765.584.251	91.914.593.716

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

5.1. Kiểm toán độc lập

✓ *Đơn vị kiểm toán độc lập:*

- Công ty Kiểm toán PKF Việt Nam
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Web:

✓ *Ý kiến kiểm toán độc lập:*

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần May Sông Hồng, được lập phù hợp với các

Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định hiện hành về tài chính kế toán.

- ✓ Các nhận xét đặc biệt: Không có

5.2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ: Không có
- Các nhận xét đặc biệt: Không có

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

6.1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty

Không có.

6.2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ

Công ty có một văn phòng Marketing đặt tại Hồng Kông tên đầy đủ là SONGHONG APPAREL LIMITED, được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 06/BKH-ĐTRNN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. SONGHONG APPAREL LIMITED là một pháp nhân độc lập có đăng ký kinh doanh theo pháp luật của chính quyền Hồng Kông. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần May Sông Hồng Việt Nam đồng thời là Tổng Giám đốc SONGHONG APPAREL LIMITED.

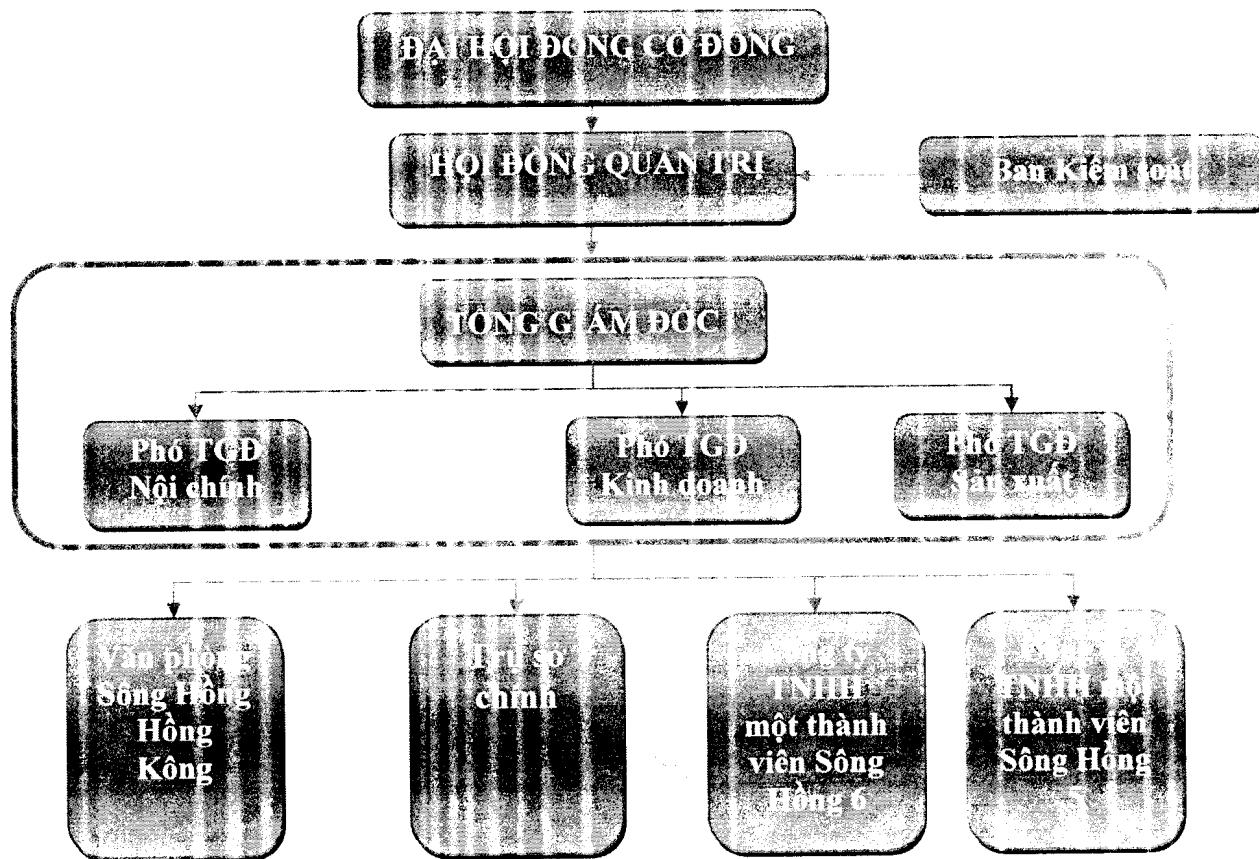
2 Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Sông Hồng 6 và Công ty TNHH một thành viên Sông Hồng 5 do Công ty cổ phần may Sông Hồng góp 100% vốn điều lệ.

6.3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

Không có.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

7.1. Cơ cấu tổ chức của công ty



7.2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Ban Giám đốc công ty hiện nay gồm 4 thành viên:

Ông Bùi Đức Thịnh	:	Chủ tịch HĐQT
Năm sinh	:	08/09/1947
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Ông Phạm Văn Dương	:	Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc
Năm sinh	:	10/05/1963
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Luật
Ông Tạ Hoàng Giang	:	Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh	:	23/10/1954
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Ông Đinh Ngọc Cẩm	:	Ủy viên HĐQT
Năm sinh	:	18/7/1958
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Tiếng Anh, Đại học QTKD

7.3. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng trong năm

Trong năm 2010, Bà Vũ Thái Quý rút khỏi HĐQT.

7.4. Quyền lợi của Ban Giám đốc

Được hưởng đầy đủ các khoản Tiền lương, thưởng, ngoài ra không có khoản thu nhập nào khác.

7.5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

- **Cơ cấu lao động**

Tổng số người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2010 là người. Trong đó, cơ cấu theo trình độ lao động như sau:

Số thứ tự	Trình độ lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	99	1.8%
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	365	6.7%
3	Lao động phổ thông	5015	91.5%
	Tổng	5479	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần May Sông Hồng)

- **Chính sách với người lao động**

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty cổ phần may Sông Hồng đã xây dựng và phát triển chế độ lao động, chính sách ưu đãi hợp lý đối với người lao động. Cụ thể như sau:

- ◆ Thời gian làm thêm giờ
 - Không quá 4 giờ trong 1 ngày, 12 giờ trong 1 tuần và 300 giờ trong 1 năm.
 - Thủ tục làm thêm giờ theo đúng quy định của bộ luật lao động và hoàn toàn tự nguyện, trường hợp bất khả kháng, nếu phải đi làm vào ngày chủ nhật để kịp tiến độ giao hàng thì sẽ được nghỉ bù vào một ngày khác của tuần tiếp theo.
 - Trường hợp nhà máy bị thiên tai, hỏa hoạn... Tổng Giám đốc được quyền huy động CBCNV phải có mặt tại công ty để sẵn sàng đối phó với những tình huống xấu xảy ra.
- ◆ Thời gian nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết, nghỉ hiếu hỷ, nghỉ phép, nghỉ ốm, không lương: Công ty thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động.
- ◆ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế: Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động.
- ◆ Một số chính sách ưu đãi đối với Cán bộ công nhân viên:
 - Tất cả các CBCNV hiện đang làm việc trực tiếp tại các xưởng sản xuất quê ở xa, hiện đang nghỉ trọ tại thành phố (kể cả trọ nhà họ hàng, anh chị ...) đều

- được Công ty hỗ trợ kinh phí là 25.000 đồng/người/tháng và xưởng hỗ trợ 10.000 đồng/người/tháng. (tổng: 35.000 đồng/người/tháng).
- CBCNV gia đình ở xa (cách Công ty 100 km trở lên), Khi về quê nghỉ tết nguyên đán sẽ được nghỉ thêm một ngày so với lịch nghỉ tết của Công ty, ngày nghỉ đó vẫn được hưởng nguyên lương cấp bậc và được thanh toán tiền tàu xe đi về.
 - Nữ CBCNV hiện đang làm việc tại Công ty có thời gian làm việc liên tục từ 02 năm trở lên, khi kết hôn được mua 01 chăn đóng với giá giảm 50%, từ 04 năm trở lên được Công ty tặng 01 chiếc chăn đóng.
 - Các trường hợp nam CBCNV hiện làm việc tại Công ty có thời gian làm việc từ 04 năm trở lên khi kết hôn với nữ CBCNV cùng Công ty được mua 01 chăn đóng giảm giá 50% và từ 06 năm trở lên được tặng 01 chăn đóng.
 - Chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ
 - Chi cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ (chồng) mất được BCH Công ty viết vòng hoa trị giá 50.000 đồng.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

8.1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị công ty gồm 04 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông; có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Số thứ tự	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Phạm Văn Dương	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc
3	Ông Tạ Hoàng Giang	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Đinh Ngọc Cẩm	Thành viên HĐQT

↳ **Hoạt động của HĐQT**

Trong năm 2010 vừa qua, Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc đã phối hợp xác định, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh và sắp xếp phù hợp với từng giai đoạn, theo từng thời điểm. Bên cạnh đó, lực lượng cán bộ, công nhân kỹ thuật bậc cao luôn được bố trí đầy đủ, tuân thủ nghiêm túc theo kế hoạch sản xuất kinh doanh.

◆ *Thù lao của HĐQT (được thông qua tại ĐHĐCĐ hàng năm)*

• Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm gồm có 3 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Hàng năm, Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập; Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 3 thành viên :

	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Bùi Văn Cận	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Triệu Công Trứ	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát

◆ *Hoạt động của Ban kiểm soát*

Trong năm 2010, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2010.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị khi được mời dự.
- Xem xét các báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh giữa năm và khi kết thúc năm do Ban Giám đốc điều hành lập báo cáo.
- Xem xét các báo cáo của các tổ chức tư vấn niêm yết và tổ chức kiểm toán.
- Để hoàn thành tốt nhiệm vụ, Ban Kiểm soát tổ chức các cuộc họp thông qua các nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát trước Đại hội cổ đông thường niên, thông qua kế hoạch triển khai công tác kiểm tra giám sát trong năm, các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi thường xuyên về các hoạt động của công ty và hỗ trợ nhau trong công việc.
- Để tham gia trong công tác quản trị công ty, các đợt kiểm tra, giám sát Ban Kiểm soát đều có kết quả phân tích, đánh giá sơ bộ. Các ý kiến quan trọng của các thành viên Ban Kiểm soát về tình hình quản lý, hoạt động của các đơn vị đều được lập bằng văn bản trực tiếp gửi đến Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty ... Những công việc phát sinh hàng ngày hoặc đột xuất liên quan đến vấn đề còn tồn tại trong quản lý và điều hành, các thành viên Ban Kiểm soát được trao đổi kịp thời với Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty và các phòng ban liên quan.
- Thẩm định báo cáo tài chính công ty.

- Giám sát tình hình hoạt động điều hành, giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành.
- Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT và Tổng giám đốc.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát tuân thủ chấp hành luật pháp, tuân thủ Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCD và các quy định của Công ty.

◆ Thủ tục của BKS (được thông qua tại ĐHĐCD hàng năm)

8.2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông đến ngày 07/04/2011:

• Cơ cấu cổ đông

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ
1	Ban lãnh đạo	1.094.440	10.944.400.000	30,40%
2	Cổ đông CBCNV	1.305.560	13.055.600.000	36,27%
3	Cổ đông bên ngoài	1.200.000	12.000.000.000	33,33%
Tổng		3.600.000	36.000.000.000	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần May Sông Hồng)

• Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài: Không có

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Đức Thịnh